



CÔNG THÔNG TIN TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ

- ☎ ĐHCQ: 0931 909 678 - 0843 647 686
- ☎ VB2 ĐTTX: 0389 921 675 - 0334 646 878
- ✉ dhnn_tvht@hueuni.edu.vn
- 📘 Dai.Hoc.Ngoai.Ngu.Hue.tuvan.hotro.sinhvien

TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Thứ bảy, 28/03/2026

👁 29016

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ
UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGES AND INTERNATIONAL STUDIES, HUE UNIVERSITY

**THÔNG TIN TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026**

THÔNG TIN TƯ VẤN TUYỂN SINH
Hotline: 0843 647686 - 0931 909678 | www.tuyensinh.huflis.edu.vn

<https://huflis.edu.vn> | 57 Nguyễn Khoa Chiêm, phường An Cựu, thành phố Huế

I. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;
- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của Đại học Huế và Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

II. MÔ TẢ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

2.1. Phương thức 1: Xét kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

- Điểm môn ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển phải đạt các tiêu chí như sau (Không áp dụng cho ngành Việt Nam học):

Ngành	Điểm thi tốt nghiệp THPT môn ngoại ngữ
Ngành Sư phạm Tiếng Anh	Môn tiếng Anh ≥ 6.0
Ngành Ngôn ngữ Anh	Môn tiếng Anh ≥ 5.5
Các ngành còn lại	Môn ngoại ngữ ≥ 5.0

2.2. Phương thức 2: Xét kết quả học tập cấp trung học phổ thông (học bạ).

- Xét điểm trung bình chung kết quả học tập cả 03 (ba) năm các lớp 10, 11, 12 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển ở cấp THPT làm tròn đến 02 chữ số thập phân.
- Điểm môn ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển phải đạt các tiêu chí như sau (Không áp dụng cho ngành Việt Nam học):

Ngành	Điểm trung bình chung kết quả học tập cả 03 (ba) năm các lớp 10, 11, 12 môn ngoại ngữ
Ngành Sư phạm Tiếng Anh	Môn tiếng Anh ≥ 8.0
Ngành Ngôn ngữ Anh	Môn tiếng Anh ≥ 7.0
Các ngành còn lại	Môn ngoại ngữ ≥ 6.5

- Điểm xét tuyển là tổng điểm 03 (ba) môn trong tổ hợp xét tuyển (không nhân hệ số).

2.3. Phương thức 3: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh.

- Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển (03/8/2026) được xét tuyển thẳng vào ngành đào tạo mà môn đạt giải có trong tổ hợp môn xét tuyển.
- Các điều kiện ưu tiên xét tuyển thẳng khác sẽ được Hội đồng tuyển sinh của Đại học Huế xem xét quyết định trên từng trường hợp cụ thể, phù hợp với ngành học.
- Nếu số lượng hồ sơ đăng ký vượt chỉ tiêu tuyển thẳng, thứ tự ưu tiên xét tuyển từ cấp đạt giải, thứ tự đạt giải, điểm trung bình cộng của điểm trung bình chung học tập cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12.

2.4. Phương thức 4: Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ ngoại ngữ để xét tuyển.

2.4.1. Đối với ngành Sư phạm Tiếng Anh: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT 46 điểm trở lên hoặc chứng chỉ tiếng Anh VSTEP đạt bậc 4 từ 6.0 điểm trở lên.

2.4.2. Đối với các ngành còn lại có môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.0 trở lên hoặc TOEFL iBT 35 điểm trở lên hoặc chứng chỉ tiếng Anh VSTEP đạt bậc 3 từ 5.5 điểm trở lên.

2.4.3. Đối với ngành Ngôn ngữ Nhật: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT có chứng chỉ tiếng Nhật JLPT N3 từ 95 điểm trở lên.

2.4.4. Đối với ngành các Sư phạm Tiếng Trung Quốc và Ngôn ngữ Trung Quốc: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT có chứng chỉ tiếng Trung Quốc HSK3 từ 180 điểm trở lên.

2.4.5. Đối với ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT có chứng chỉ tiếng Hàn Quốc TOPIK II 120 điểm trở lên.

2.4.6. Đối với ngành Ngôn ngữ Pháp: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT có chứng chỉ tiếng Pháp DELF B1 50 điểm trở lên.

2.4.7. Đối với ngành Ngôn ngữ Nga: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT có chứng chỉ tiếng Nga TRKI B1 160 điểm trở lên.

2.4.8. Điểm xét tuyển:

- Xét điểm chứng chỉ ngoại ngữ (điểm môn ngoại ngữ) quy về thang điểm 10 theo **Bảng 1**.
- Xét điểm 02 (hai) môn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 còn lại trong tổ hợp xét tuyển.
- Điểm xét tuyển là tổng điểm 03 (ba) môn trong tổ hợp xét tuyển (không nhân hệ số).

2.5. Phương thức 5: Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ ngoại ngữ để xét tuyển.

2.5.1. Đối với ngành Sư phạm Tiếng Anh: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT có chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT 46 điểm trở lên hoặc chứng chỉ tiếng Anh VSTEP đạt bậc 4 từ 6.0 điểm trở lên.

2.5.2. Đối với các ngành còn lại có môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT có chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.0 trở lên hoặc TOEFL iBT 35 điểm trở lên hoặc chứng chỉ tiếng Anh VSTEP đạt bậc 3 từ 5.5 điểm trở lên.

2.5.3. *Đối với ngành Ngôn ngữ Nhật*: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT có chứng chỉ tiếng Nhật JLPT N3 từ 95 điểm trở lên.

2.5.4. *Đối với ngành các Su phạm Tiếng Trung Quốc và Ngôn ngữ Trung Quốc*: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT có chứng chỉ tiếng Trung Quốc HSK3 từ 180 điểm trở lên.

2.5.5. *Đối với ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc*: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT có chứng chỉ tiếng Hàn Quốc TOPIK II 120 điểm trở lên.

2.5.6. *Đối với ngành Ngôn ngữ Pháp*: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT có chứng chỉ tiếng Pháp DELF B1 từ 50 điểm trở lên.

2.5.7. *Đối với ngành Ngôn ngữ Nga*: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT có chứng chỉ tiếng Nga TRKI B1 từ 330 điểm trở lên.

2.5.8. *Điểm xét tuyển*:

- Xét điểm chứng chỉ ngoại ngữ (điểm môn ngoại ngữ) quy về thang điểm 10 theo **Bảng 1**.
- Xét điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của 02 (hai) môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển.
- Điểm xét tuyển là tổng điểm 03 (ba) môn trong tổ hợp xét tuyển (không nhân hệ số).

III. CÔNG THỨC TÍNH ĐIỂM XÉT TUYỂN

3.1. *Đối với các phương thức 1 và 4*:

$$\text{Điểm xét tuyển} = M_1 + M_2 + M_{NN} + \text{Điểm ưu tiên} + \text{Điểm cộng}$$

- Trong đó: M_{NN} là điểm môn Ngoại ngữ, M_1, M_2 là các môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển
- Điểm ưu tiên: áp dụng theo quy chế tuyển sinh năm của Bộ GD&ĐT.
- Điểm cộng: bao gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng và điểm khuyến khích.

3.2. *Đối với các phương thức 2 và 5*:

- Xét tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển: $x = M_1 + M_2 + M_{NN}$

- Điểm xét tuyển được tính theo công thức sau:

$$f(x) = a_i x + b_i + \text{Điểm ưu tiên} + \text{Điểm cộng}$$

- Trong đó
 - + M_{NN} là điểm môn Ngoại ngữ, M_1, M_2 là các môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển
 - + a_i, b_i là các hệ số quy đổi điểm tương đương và sẽ được xác định sau khi Đại học Huế công bố.
- Điểm ưu tiên: áp dụng theo quy chế tuyển sinh năm của Bộ GD&ĐT.
- Điểm cộng: bao gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng và điểm khuyến khích.

4. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

4.1. Quy tắc quy đổi tương đương

- Áp dụng công thức tại mục 3.2 quy đổi tương đương giữa các phương thức.
- Không quy đổi tương đương giữa các tổ hợp

4.2. Ngưỡng đầu vào

- Tổng điểm 03 (ba) môn trong tổ hợp xét tuyển (chưa nhân hệ số) phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng do Bộ GD-ĐT quy định trong Quy chế tuyển sinh đại học 2026 đối với ngành đào tạo giáo viên;
- Ngưỡng đầu vào các ngành còn lại: được xác định và công bố theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Huế.

4.3. Điểm trúng tuyển

- Sau khi đối chiếu với điều kiện xét tuyển, trường sẽ tiến hành lựa chọn thí sinh trúng tuyển theo mức điểm từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu, không phân biệt tổ hợp và phương thức xét tuyển.
- Trong trường hợp có các thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau, Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét quyết định sử dụng các tiêu chí phụ.

4.4. Bảng quy đổi các chứng chỉ ngoại ngữ

Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ ngoại ngữ (chứng chỉ còn thời hạn đến ngày xét tuyển) được quy đổi thành điểm môn ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển như sau:

Bảng 1: Bảng quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ sang thang điểm 10

Chứng chỉ ngoại ngữ	Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Khung tham chiếu Châu Âu	Mức điểm	Điểm quy đổi sang thang điểm 10
VSTEP	Bậc 3	B1	5.5	8.0
	Bậc 4	B2	6.0 - 6.5	8.5
			7.0 - 7.5	9.0
			8.0	9.5
Bậc 5	C1	Từ 8.5	10	
IELTS	Bậc 3	B1	5.0	8.0
	Bậc 4	B2	5.5	8.5
			6.0	9.0
			6.5	9.5
	Bậc 5	C1	7.0 - 8.0	10
Bậc 6	C2	8.5 - 9.0		
TOEFL iBT	Bậc 3	B1	35 - 45	8.0
			46 - 59	8.5
	Bậc 4	B2	60 - 78	9.0
			79 - 93	9.5
	Bậc 5	C1	94 - 114	10
Bậc 6	C2	115 - 120		
DELTA	Bậc 3	B1	50 - 65	8.0
			66 - 100	8.5
	Bậc 4	B2	50 - 70	9.0
			71 - 100	9.5
Bậc 5	C1	Từ 50	10	
TRKI	Bậc 3	TRKI-1 (B1)	Từ 330	8.0
	Bậc 4	TRKI-2 (B2)	436 - 480	8.5
			481 - 573	9.0
			574 - 660	9.5
Bậc 5	TRKI-3 (C1)	Từ 429	10	
HSK	Bậc 3	HSK 3	180 - 220	8.0
			221 - 260	8.5
			261 - 300	9.0
	Bậc 4	HSK4	Từ 180	9.5
	Bậc 5	HSK5	Từ 180	10
JLPT	Bậc 3 đến bậc 5	B1-B2 (N3)	95 - 105	8.0
			106 - 119	8.5
			120 - 140	9.0
			141 - 180	9.5
		C1 (N2)	Từ 90	10
TOPIK II	Bậc 3	B1 (Topik II cấp 3)	120 - 130	8.0
			131 - 149	8.5
	Bậc 4	B2 (Topik II cấp 4)	150 - 169	9.0
			170 - 189	9.5
	Bậc 5	C1 (Topik II cấp 5)	Từ 190	10

Lưu ý:

- Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và chứng chỉ VSTEP phải Còn thời hạn tính đến ngày xét tuyển (03/8/2026).
- Chứng chỉ quốc tế không công nhận bản Home Edition.
- Chứng chỉ ngoại ngữ sử dụng để quy đổi sang thang điểm 10 thành điểm môn ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển (**Bảng 1**) hoặc sử dụng để cộng điểm khuyến khích (**Bảng 5**). **KHÔNG** sử dụng đồng thời 2 mục đích.
- Tổng điểm xét tuyển không vượt quá mức điểm tối đa của thang điểm xét tuyển (tối đa 30 điểm).
- Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh thực hiện theo quy định chung của Đại học Huế và sẽ được công bố sau khi Bộ GD&ĐT công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với các ngành đào tạo giáo viên và ngành sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề.

V. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH:

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh
1	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	200	Các phương thức 1, 2, 4, 5: 1. D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 2. D14: Lịch sử, Ngữ văn, Tiếng Anh 3. D15: Địa lý, Ngữ văn, Tiếng Anh
2	7140233	Sư phạm Tiếng Pháp	7140233	Sư phạm Tiếng Pháp	40	Các phương thức 1, 2, 4, 5: 1. D03: Ngữ văn, Toán, Tiếng Pháp 2. D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh 3. D44: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Pháp 4. D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
3	7140234	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	7140234	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	80	Các phương thức 1, 2, 4, 5: 1. D04: Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung Quốc 2. D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh 3. D45: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Trung Quốc 4. D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
4	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	760	Các phương thức 1, 2, 4, 5: 1. D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 2. D14: Lịch sử, Ngữ văn, Tiếng Anh 3. D15: Địa lý, Ngữ văn, Tiếng Anh
5	7220202	Ngôn ngữ Nga	7220202	Ngôn ngữ Nga	20	Các phương thức 1, 2, 4, 5: 1. D02: Ngữ văn, Toán, Tiếng Nga 2. D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh 3. D42: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Nga 4. D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh 5. D62: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Nga 6. D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
6	7220203	Ngôn ngữ Pháp	7220203	Ngôn ngữ Pháp	30	Các phương thức 1, 2, 4, 5: 1. D03: Ngữ văn, Toán, Tiếng Pháp 2. D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh 3. D44: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Pháp 4. D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh 5. D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh 6. D64: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Pháp
7	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	350	Các phương thức 1, 2, 4, 5: 1. D04: Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung Quốc 2. D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh 3. D45: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Trung Quốc 4. D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
8	7220209	Ngôn ngữ Nhật	7220209	Ngôn ngữ Nhật	260	Các phương thức 1, 2, 4, 5: 1. D06: Ngữ văn, Toán, Tiếng Nhật 2. D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh 3. D43: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Nhật 4. D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
9	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	150	Các phương thức 1, 2, 4, 5: 1. D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh 2. D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh 3. D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh 4. DH1: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Hàn 5. DH5: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Hàn

10	7310601	Quốc tế học	7310601	Quốc tế học	35	Các phương thức 1, 2, 4, 5: 1. D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh 2. D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh 3. D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh 4. D66: Ngữ văn, Tiếng Anh, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật (có thể thay bằng môn GD&ĐT đối với các thí sinh tốt nghiệp năm 2024 trở về trước)
11	7310640	Hoa Kỳ học	7310640	Hoa Kỳ học	35	Các phương thức 1, 2, 4, 5: 1. D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh 2. D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh 3. D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh 4. D66: Ngữ văn, Tiếng Anh, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật (có thể thay bằng môn GD&ĐT đối với các thí sinh tốt nghiệp năm 2024 trở về trước)
12	7310630	Việt Nam học	7310630	Việt Nam học	30	Các phương thức 1, 2, 4, 5: 1. D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh 2. D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh 3. D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh 4. C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý 5. D66: Ngữ văn, Tiếng Anh, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật (có thể thay bằng môn GD&ĐT đối với các thí sinh tốt nghiệp năm 2024 trở về trước)
13	7320107	Truyền thông quốc tế	7320107	Truyền thông quốc tế	40	Các phương thức 1, 2, 4, 5: 1. D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh 2. D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh 3. D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh 4. D66: Ngữ văn, Tiếng Anh, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật (có thể thay bằng môn GD&ĐT đối với các thí sinh tốt nghiệp năm 2024 trở về trước)

Ghi chú: Đối với các ngành Sư phạm, chỉ tiêu trên chỉ là DỰ KIẾN, khi có Quyết định phân bổ chỉ tiêu của Bộ GD&ĐT, Trường sẽ cập nhật cụ thể sau.

VI. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC ĐỂ THÍ SINH DỰ TUYỂN VÀO CƠ SỞ ĐÀO TẠO

6.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

6.1.1. Phương thức 1:

Điểm môn ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển phải đạt các tiêu chí như sau (Không áp dụng cho ngành Việt Nam học):

Ngành	Điểm thi tốt nghiệp THPT môn ngoại ngữ
Ngành Sư phạm Tiếng Anh	Môn tiếng Anh ≥ 6.0
Ngành Ngôn ngữ Anh	Môn tiếng Anh ≥ 5.5
Các ngành còn lại	Môn ngoại ngữ ≥ 5.0

6.1.2. Phương thức 2:

Điểm môn ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển phải đạt các tiêu chí như sau (Không áp dụng cho ngành Việt Nam học):

Ngành	Điểm trung bình chung kết quả học tập cả 03 (ba) năm các lớp 10, 11, 12 môn ngoại ngữ
Ngành Sư phạm Tiếng Anh	Môn tiếng Anh ≥ 8.0
Ngành Ngôn ngữ Anh	Môn tiếng Anh ≥ 7.0
Các ngành còn lại	Môn ngoại ngữ ≥ 6.5

6.1.3. Đối với học sinh tốt nghiệp THPT ở nước ngoài:

- Phải có chứng chỉ tiếng Việt bậc 4 (tương đương B2) theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.
- Nếu chưa đủ trình độ tiếng Việt để vào học chương trình chính thức bằng tiếng Việt thì phải học dự bị tiếng Việt do khoa Việt Nam học đảm nhiệm.
- Trường hợp đặc biệt, Trường sẽ trình Hội đồng tuyển sinh Đại học Huế xem xét quyết định.

6.2. Điểm cộng

6.2.1. Quy định chung về điểm cộng

- Điểm cộng bao gồm: điểm thưởng, điểm xét thưởng và điểm khuyến khích được thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh.
- Thí sinh được cộng điểm cộng không vượt quá 10% điểm tối đa của thang điểm xét tuyển (không quá 3,0 điểm tính theo

thang điểm 30).

6.2.2. Điểm thưởng

- Thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng theo quy định tại khoản 2, Điều 8 của Quy chế tuyển sinh được cộng điểm thưởng vào điểm cộng. Trường hợp thí sinh đạt được nhiều thành tích, thí sinh chỉ được cộng điểm thưởng cao nhất tương ứng với thành tích đạt được.
- Cộng điểm cho tất cả các phương thức xét tuyển. Trường hợp thí sinh đạt được nhiều thành tích thì chỉ được cộng điểm thưởng cao nhất tương ứng với thành tích đạt được.

Bảng 2:

**Bảng tiêu chí thành tích cộng điểm các giải thi quốc gia, quốc tế
(các môn trong tổ hợp xét tuyển)**

STT	Tiêu chí		Điểm thưởng (thang 30)
1	TC1	Giải Nhất trong kỳ thi học sinh giỏi các năm 2024, 2025, 2026.	3,00
2	TC2	Giải Nhì trong kỳ thi học sinh giỏi các năm 2024, 2025, 2026.	2,50
3	TC3	Giải Ba trong kỳ thi học sinh giỏi các năm 2024, 2025, 2026.	2,00
4	TC4	Giải Khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi các năm 2024, 2025, 2026.	1,50

Ghi chú: Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển (03/8/2026)

6.2.3. Điểm xét thưởng

- Thí sinh đạt thành tích đặc biệt sau đây được cộng điểm xét thưởng vào điểm cộng.
- Cộng điểm cho tất cả các phương thức xét tuyển. Trường hợp thí sinh đạt được nhiều thành tích thì chỉ được cộng điểm thưởng cao nhất tương ứng với thành tích đạt được.

Bảng 3:

**Bảng tiêu chí thành tích cộng điểm các giải thi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
(các môn trong tổ hợp xét tuyển)**

STT	Tiêu chí		Điểm xét thưởng (thang 30)
1	TC5	Giải Nhất trong kỳ thi học sinh giỏi các năm 2024, 2025, 2026.	1,50
2	TC6	Giải Nhì trong kỳ thi học sinh giỏi các năm 2024, 2025, 2026.	1,25
3	TC7	Giải Ba trong kỳ thi học sinh giỏi các năm 2024, 2025, 2026.	1,00
4	TC8	Giải Khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi các năm 2024, 2025, 2026.	0,75

Ghi chú: Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển (03/8/2026)

**Bảng 4: Bảng tiêu chí cộng điểm thành tích học tập cấp THPT
(Áp dụng cho các ngành không phải sư phạm)**

STT	Tiêu chí		Điểm xét thưởng (thang 30)
1	TC9	Có kết quả học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại giỏi trở lên) của cả 03 năm cấp THPT	1,50
2	TC10	Có kết quả học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại giỏi trở lên) của 02 trong 03 năm cấp THPT	1.00
3	TC11	Có kết quả học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại giỏi trở lên) của 01 trong 03 năm cấp THPT	0,50

6.2.4. Điểm khuyến khích

Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ (còn thời hạn đến ngày xét tuyển) sẽ được cộng điểm khuyến khích vào điểm cộng như sau:

Bảng 5: Bảng cộng điểm khuyến khích đối với chứng chỉ ngoại ngữ

Chứng chỉ ngoại ngữ	Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Khung tham chiếu Châu Âu	Mức điểm	Điểm khuyến khích (thang 30)
VSTEP	Bậc 3	B1	5.5	0.50
	Bậc 4	B2	6.0 - 6.5	0.75
			7.0 - 7.5	1.00
			8.0	1.25
Bậc 5	C1	Từ 8.5	1.50	
IELTS	Bậc 3	B1	5.0	0.50
	Bậc 4	B2	5.5	0.75
			6.0	1.00
			6.5	1.25
	Bậc 5	C1	7.0 - 8.0	1.50
Bậc 6	C2	8.5 - 9.0		
TOEFL iBT	Bậc 3	B1	35 - 45	0.50
			46 - 59	0.75
	Bậc 4	B2	60 - 78	1.00
			79 - 93	1.25
	Bậc 5	C1	94 - 114	1.50
Bậc 6	C2	115 - 120		
DELTA	Bậc 3	B1	50 - 65	0.50
			66 - 100	0.75
	Bậc 4	B2	50 - 70	1.00
			71 - 100	1.25
Bậc 5	C1	Từ 50	1.50	
TRKI	Bậc 3	TRKI-1 (B1)	Từ 330	0.50
	Bậc 4	TRKI-2 (B2)	436 - 480	0.75
			481 - 573	1.00
			574 - 660	1.25
Bậc 5	TRKI-3 (C1)	Từ 429	1.50	
HSK	Bậc 3	HSK 3	180 - 220	0.50
			221 - 260	0.75
			261 - 300	1.00
	Bậc 4	HSK4	Từ 180	1.25
Bậc 5	HSK5	Từ 180	1.50	
JLPT	Bậc 3 đến bậc 5	B1-B2 (N3)	95 - 105	0.50
			106 - 119	0.75
			120 - 140	1.00
			141 - 180	1.25
		C1 (N2)	Từ 90	1.50
TOPIK II	Bậc 3	B1 (Topik II cấp 3)	120 - 130	0.50
			131 - 149	0.75
	Bậc 4	B2 (Topik II cấp 4)	150 - 169	1.00
			170 - 189	1.25
	Bậc 5	C1 (Topik II cấp 5)	Từ 190	1.50

VII. TỔ CHỨC TUYỂN SINH:

Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm, hình thức, các điều kiện xét tuyển, thi tuyển theo quy định của Bộ GDĐT và Đại học Huế

VIII. CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN:

Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh năm 2026 của Bộ GDĐT.

IX. LỆ PHÍ XÉT TUYỂN/THI TUYỂN

Theo quy định của Hội đồng tuyển sinh Đại học chính quy Đại học Huế và Bộ Giáo dục & Đào tạo

X. CHÍNH SÁCH HỌC BỔNG

10.1. Học bổng Khuyến khích học tập:

Trường trích 8% nguồn thu học phí và tiền cấp bù miễn, giảm học phí dành cho sinh viên có kết quả học tập và rèn luyện từ loại Khá trở lên, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên. Năm học 2024-2025 Trường đã cấp học bổng Khuyến khích học tập cho 784 lượt sinh viên (chiếm 5.85% sinh viên đang theo học), tổng số tiền 8.846.075.000đ (Tám tỷ tám trăm bốn mươi sáu triệu không trăm bảy mươi năm ngàn đồng).

10.2. Chính sách của Nhà nước dành cho sinh viên:

Trường tổ chức xét duyệt các chế độ, chính sách của Nhà nước dành cho sinh viên gồm: Miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội, hỗ trợ học tập, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt, học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập. Năm học 2024-2025 Trường đã tổ chức xét cấp cho 3902 lượt sinh viên (chiếm 28.63% sinh viên đang theo học), tổng số tiền 41.847.833.000đ (Bốn mươi một tỷ tám trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm ba mươi ba ngàn đồng).

10.3. Chính sách của Trường dành cho sinh viên:

Trường tổ chức giới thiệu và xét duyệt học bổng, hỗ trợ ngoài ngân sách cho sinh viên có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vượt khó vươn lên trong học tập và rèn luyện từ nguồn kinh phí của Trường và các nhà tài trợ. Tính đến hết học kỳ 1 năm học 2025-2026 Trường đã tổ chức xét cấp cho 10.740 lượt sinh viên (chiếm 147% sinh viên đang theo học), tổng số tiền 3.176.310.000đ (Ba tỷ một trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm mười ngàn đồng), vượt gần 200% so với cùng kỳ năm học trước.

10.4. Các học bổng và chính sách đặc thù của từng ngành

STT	Ngành đào tạo	Chương trình thực tập thực tế, trao đổi, chính sách học bổng, cơ hội việc làm, động viên đoàn thể đặc thù
------------	----------------------	--

1	<p>Sư phạm Tiếng Anh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có cơ hội tham gia các chương trình trao đổi, thực tập ở Thái Lan cũng như ở các thành phố thông trên địa bàn thành phố. - Có cơ hội nhận được nhiều học bổng tham gia các chương trình trao đổi, giao lưu quốc tế như học bổng trao đổi sinh viên toàn cầu Global Undergraduate Exchange và Study of the US Institutes của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, học bổng Erasmus của Liên Âu, học bổng SHARE của Liên minh châu Âu và ASEAN hay học bổng trao đổi của học PXL ở Bỉ, học bổng trao đổi của trường đại học Naresuan, trường đại học Ubon ở Thái Lan. Trong đó, có nhiều chương trình học bổng trao đổi du học chỉ dành riêng cho sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, và sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Ưu thế về ngoại ngữ để tham gia ứng tuyển và được chọn cấp học bổng. Sau khi nhận được học bổng trao đổi du học ngắn hạn, nhiều sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh có điều kiện cập nhật thông tin trực tiếp từ các trường đại học nước ngoài và tích lũy được kinh nghiệm học tập ở nước ngoài nên tiếp tục ứng tuyển thành công học bổng thạc sĩ và tiến sĩ tại các đại học nước ngoài khi hoàn thành xong chương trình đại học tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. - Có cơ hội nhận được học bổng hỗ trợ từ Quỹ tương trợ “Một nhà” của Khoa Tiếng Anh cho những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; - Có cơ hội nhận được nguồn học bổng theo chính sách dành cho sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh và học bổng khuyến khích học tập từ nhà trường. - Có cơ hội tham gia vào các câu lạc bộ với nhiều chương trình, hoạt động ngoại khóa chuyên môn, hỗ trợ cộng đồng thú vị và hữu ích.
2	<p>Sư phạm Tiếng Pháp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có cơ hội tham gia kiến tập – thực tập sư phạm tại các trường THPT, trung tâm ngoại ngữ và cơ sở đào tạo tiếng Pháp trên địa bàn. - Có cơ hội nhận được nhiều học bổng giá trị: <ul style="list-style-type: none"> + Học bổng của Tổ chức Quốc tế Pháp ngữ (OIF), AUF, Montpellier + Học bổng chính phủ Pháp (Eiffel, France Excellence...) + Học bổng Erasmus+ của Liên minh châu Âu - Có cơ hội tham gia các chương trình đào tạo giáo viên tiếng Pháp, hội thảo phương pháp giảng dạy, phát triển chuyên môn theo chuẩn quốc tế. - Có cơ hội nhận học bổng chính sách dành cho sinh viên sư phạm và học bổng khuyến khích học tập từ nhà trường. - Có cơ hội tham gia câu lạc bộ tiếng Pháp, Ngày hội Pháp ngữ (20/3), ngày hội ẩm thực và hoạt động giao lưu văn hoá với người bản ngữ, giúp nâng cao kỹ năng ngôn ngữ và sự tự tin khi giao tiếp. - Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể: <ul style="list-style-type: none"> + Trở thành giáo viên tiếng Pháp tại trường phổ thông, đại học, trung tâm ngoại ngữ + Tiếp tục học thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước

3	Su phạm Tiếng Trung Quốc	<ul style="list-style-type: none"> - Có cơ hội tham gia chương trình trao đổi sinh viên theo hình thức chuyển đổi tín chỉ 1-2 học kỳ tại các trường Đại học đối tác tại Trung Quốc như Học viện Sư phạm Quảng Tây, Trường ĐHSP Quảng Tây, ĐHSP Nam Ninh... - Có cơ hội đi Kiến tập - Thực tập SP tại Trung Quốc. - Học bổng khuyến khích học tập do Lãnh sự quán Trung Quốc tại Đà Nẵng tài trợ. - Học bổng tiếng Hoa do Phòng Giáo dục - Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đà Bắc tài trợ. - Học bổng hỗ trợ của Khoa Tiếng Trung tại Ngày Hội Đại Đoàn Kết 8/12 hàng năm.
4	Ngôn ngữ Anh	<ul style="list-style-type: none"> - Có cơ hội tham gia các chương trình trao đổi, thực tế, thực tập ở Thái Lan cũng như quan nhà nước, công ty, doanh nghiệp, trung tâm nghiên cứu trên địa bàn thành phố với chuyên ngành và ngành được đào tạo. - Có cơ hội nhận được nhiều học bổng tham gia các chương trình trao đổi, giao lưu quốc tế như học bổng trao đổi sinh viên toàn cầu Global Undergraduate Exchange và Study of the US Institutes của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, học bổng Erasmus của Liên Âu, học bổng SHARE của Liên minh châu Âu và ASEAN hay học bổng trao đổi của học PXL ở Bỉ, học bổng trao đổi của trường đại học Naresuan, trường đại học Ubon ở Thái Lan. Trong đó, có nhiều chương trình học bổng trao đổi du học chỉ dành riêng cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế và sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế có thể về ngoại ngữ để tham gia ứng tuyển và được chọn cấp học bổng. Sau khi nhận được học bổng trao đổi du học ngắn hạn, nhiều sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh có điều kiện thông tin trực tiếp từ các trường đại học nước ngoài và tích lũy được kinh nghiệm nộp hồ sơ nên tiếp tục ứng tuyển thành công học bổng thạc sĩ và tiến sĩ tại các đại học nước ngoài khi hoàn thành xong chương trình đại học tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. - Có cơ hội nhận được học bổng hỗ trợ từ Quỹ tương trợ “Một nhà” của Khoa Tiếng Anh cho những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; - Có cơ hội nhận được học bổng khuyến khích học tập từ nhà trường. - Có cơ hội tham gia vào các câu lạc bộ với nhiều chương trình, hoạt động ngoại khóa chuyên môn, hỗ trợ cộng đồng thú vị và hữu ích.

5	Ngôn ngữ Pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Có cơ hội tham gia thực tập thực tế tại doanh nghiệp du lịch, khách sạn, công ty lữ hành tại các điểm du lịch lớn như Huế, Đà Nẵng, Hội An. - Có cơ hội nhận được nhiều học bổng quốc tế và học bổng chuyên ngành: <ul style="list-style-type: none"> + Erasmus+, AUF, Montpellier, học bổng của cựu sinh viên + Học bổng chính phủ Pháp + Học bổng hỗ trợ từ doanh nghiệp du lịch, khách sạn đối tác * Được tham gia các dự án học tập gắn với thực tiễn: <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế tour du lịch - Hướng dẫn viên mô phỏng - Tổ chức sự kiện – festival – du lịch văn hoá - Có cơ hội tham gia các cuộc thi nghề nghiệp: hướng dẫn viên du lịch, thuyết trình thiết kế sản phẩm du lịch bằng tiếng Pháp. - Có cơ hội tham gia câu lạc bộ tiếng Pháp, CLB du lịch, hoạt động Ngày hội Pháp ngữ với khách quốc tế, giúp phát triển kỹ năng giao tiếp và nghiệp vụ. * Có cơ hội thực tập và làm việc tại: <ul style="list-style-type: none"> - Công ty du lịch, lữ hành quốc tế - Khách sạn, resort cao cấp - Trung tâm văn hoá, tổ chức quốc tế * Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm: <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn viên du lịch quốc tế (tiếng Pháp) - Điều hành tour, marketing du lịch - Biên – phiên dịch trong lĩnh vực du lịch – văn hoá. <p>Đặc biệt từ năm 3 sinh viên có thể tham gia tiếp cận nghề hướng dẫn viên du lịch, viên tại Miền trung.</p>
---	---------------	---

6	Ngôn ngữ Nga	<p>1. Trải nghiệm Thực tế & Phát triển Kỹ năng nghề nghiệp</p> <p>Tại đây, lý thuyết luôn song hành cùng thực tiễn để sinh viên sẵn sàng thích nghi với lao động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi trường thực hành chuyên nghiệp: Sinh viên được tham gia kiến tập và thực thống đối tác chiến lược gồm các công ty du lịch, khách sạn cao cấp và các trung tâm quốc tế. - Sân chơi nghề nghiệp năng động: Thử thách bản thân qua các cuộc thi mang tính cao, tiêu biểu là cuộc thi “Hướng dẫn viên du lịch” được tổ chức thường niên, giữ bản lĩnh và kỹ năng nghiệp vụ thực tế. <p>2. Hệ thống Học bổng & Cơ hội Du học rộng mở</p> <p>Chương trình mang đến những cơ hội vàng để sinh viên tiếp cận nền giáo dục hàng đầu bang Nga:</p> <p>* Học bổng Hiệp định (Chính phủ):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học bổng toàn phần 5 năm: Dành cho tân sinh viên xuất sắc đạt giải tại kỳ thi Oly Nga (Hà Nội). Đây là niềm tự hào của Khoa khi sinh viên Ngôn ngữ Nga luôn duy thống đạt giải cao nhất mỗi năm. - Chương trình chuyển tiếp (1 năm): Cơ hội trải nghiệm 1 năm học tập tại Nga dành viên năm thứ 3 có kết quả học tập và rèn luyện ấn tượng. - Học bổng Sau đại học: Suất học bổng 2 năm tại Nga dành riêng cho những "hạt nghiệp loại Giỏi và Xuất sắc. - Học bổng khuyến học của Khoa và Nhà trường: - Học bổng khuyến khích học tập: Trao tặng định kỳ cho các cá nhân có thành tích học biểu. - Chính sách an sinh giáo dục: Trao tặng học bổng cho các thủ khoa đầu vào hoặc si hoàn cảnh khó khăn vượt khó học giỏi. - Quỹ học bổng từ đối tác: Tiếp cận nguồn lực từ Hội Hữu nghị Việt – Nga, mạng sinh viên và các doanh nghiệp liên kết. <p>3. Hoạt động Đoàn thể & Kết nối Cộng đồng</p> <p>Không chỉ học thuật, sinh viên còn được phát triển toàn diện trong một cộng đồng gắn</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLB chuyên ngành: Tham gia CLB “Yêu tiếng Nga” – không gian giao lưu học thiện, nơi kết nối những tâm hồn đồng điệu với văn hóa xứ sở Bạch Dương. - Sự kiện đặc sắc: Đắm mình trong không khí lễ hội của các <i>Ngày hội Văn hóa Nga Gala sinh viên</i> rực rỡ và các đợt <i>Hội trại truyền thống</i> đầy cảm hứng. - Phát triển kỹ năng mềm: Các hoạt động văn nghệ, thể thao từ Đoàn TN và Hội giúp sinh viên rèn luyện sự năng động, tự tin và tinh thần đoàn kết.
---	--------------	---

7	Ngôn ngữ Trung Quốc	<ul style="list-style-type: none">- Có cơ hội tham gia hương trình trao đổi sinh viên theo hình thức chuyển đổi tín chỉ: 2 học kỳ tại các trường Đại học đối tác tại Trung Quốc như Học viện Sư phạm Kỹ thuật Tây, Trường ĐHSP Quảng Tây, ĐHSP Nam Ninh...- Có cơ hội đi Thực tập hè tại Trung Quốc.- Đi thực tập tại các công ty, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là đối tác của Trường xuyên đến Trường tuyển dụng.- Học bổng khuyến khích học tập do Lãnh sự quán Trung Quốc tại Đà Nẵng tài trợ.- Học bổng tiếng Hoa do Phòng Giáo dục - Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đà Bắc tài trợ.- Học bổng hỗ trợ của Khoa Tiếng Trung tại Ngày Hội Đại Đoàn Kết 8/12 hàng năm.
---	---------------------	---

8	Ngôn ngữ Nhật	<p>1. Du học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có cơ hội du học theo dạng học bổng chính phủ Nhật Bản Mext (Miễn học phí, 1 hoạt phí) trong vòng 1 năm có chuyển đổi tín chỉ tại trường Đại học Tottori, Đại học học Kumamoto, Đại học Sư phạm Hokkaido. - Có cơ hội du học theo chương trình trao đổi sinh viên được chuyển đổi tín chỉ: học kỳ tại các trường Đại học đối tác tại Nhật Bản như Trường Đại học Ibaraki, Đại học Christian, Đại học Nữ Nhật Bản, Đại học Gakushuin, Đại học Sư phạm Hokkaido, Shizuoka, Đại học du lịch Osaka, Đại học Tokiwa, Đại học Musashino, Đại học Chiba. Sinh viên được miễn hoàn toàn học phí. <p>2. Tập huấn ngắn hạn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có cơ hội tham gia chương trình học tập, giao lưu ngắn hạn tại Nhật như: chương trình của Quỹ giao lưu quốc tế trong vòng 2 tuần, tham quan 1 tuần tại Nhật khi đạt giải nhất trong hội thi hùng biện tiếng Nhật của khoa. <p>3. Thực tập trong và ngoài nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên năm 3 và 4 có cơ hội tham gia chương trình trong thời gian từ 3 tháng đến 6 tháng tại các đơn vị uy tín được giới thiệu bởi Hiệp hội xúc tiến thực tập OHD, Công ty Caoda, Công ty NVB Bridge; Tập đoàn Mikazuki và Tập đoàn Anabuki. - Có cơ hội thực tập tại các công ty, doanh nghiệp Nhật Bản, các doanh nghiệp lớn tại Việt Nam là đối tác của khoa hoặc thường xuyên đến khoa tuyển dụng như Brycen, FPT, MSV, / <p>4. Hoạt động giao lưu học thuật, văn hoá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được tham gia vào các câu lạc bộ mang bản sắc riêng của khoa như CLB điều khiển máy bay mô hình Mirai Yosakoi, CLB luyện nói Hanasoukai, CLB Văn nghệ và nhiều hoạt động khác và tham gia nhiều chương trình giao lưu về văn hoá, ngôn ngữ với sinh viên Nhật Bản như kỳ thường niên, Hội hữu nghị Việt - Nhật,... - Có cơ hội được tham gia lớp trực tuyến (Online) luyện hội thoại tiếng Nhật miễn phí với người Nhật. <p>5. Học bổng hỗ trợ, khuyến khích học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có cơ hội nhận được hỗ trợ từ Quỹ Khuyến học của Cựu sinh viên khoa dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; - Có thể nhận được nguồn học bổng ngân sách và học bổng khuyến khích học tập từ nhà trường. <p>6. Cơ hội việc làm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc tại các công ty, doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam hoặc Nhật Bản (biên dịch, hành chính, kinh doanh, công nghiệp dịch vụ...). - Có cơ hội làm việc trong lĩnh vực IT với vai trò kỹ sư cầu nối (BrSE), Tester hoặc hỗ trợ dự án nếu có thêm chuyên môn phù hợp. - Có thể giảng dạy tiếng Nhật hoặc làm việc trong lĩnh vực giáo dục, nghiên cứu. - Được hỗ trợ, kết nối việc làm thông qua mạng lưới doanh nghiệp đối tác và cựu sinh viên của khoa.
---	---------------	---

9	Ngôn ngữ Hàn Quốc	<p>NHỮNG ĐẶC QUYỀN VÀ CƠ HỘI CHỈ CÓ TẠI NGÀNH NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA HÀN QUỐC</p> <p>1. Môi trường học tập chuẩn quốc tế và chăm sóc tận tình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: 100% giảng viên cơ hữu đều được đào tạo chuyên sâu tại Hàn Quốc - Học cùng giảng viên bản xứ: Thường xuyên được học tập trực tiếp với các chuyên viên người Hàn Quốc đến từ Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOICA) và Quỹ Quốc tế Hàn Quốc (Korea Foundation - KF). - Tiếp cận tri thức toàn cầu: Thụ hưởng trực tiếp các bài giảng tiếng Hàn chất lượng cao từ KF e-School. - Có cơ hội trải nghiệm môi trường học tập ngôn ngữ hiện đại, đặc biệt là thực hành tại phòng học thông minh (KLASS) với các trang thiết bị thông minh, tối ưu hóa việc phát triển năng lực giao tiếp và tìm hiểu văn hóa. - Hệ thống cố vấn học tập cởi mở, tận tâm, luôn đồng hành, theo sát và hỗ trợ học sinh để kèm cặp, giúp đỡ các bạn sinh viên vượt qua khó khăn trong học tập. <p>2. Trải nghiệm văn hóa và giao lưu quốc tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao lưu sinh viên Việt - Hàn định kỳ: Điều đặn mỗi năm 2 đợt (vào dịp nghỉ hè và Nguyên đán), Khoa tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa trực tiếp với đoàn sinh viên từ các trường đại học Hàn Quốc. Đây là cơ hội vàng để thực hành giao tiếp, kết bạn cùng nhau tìm hiểu sâu sắc văn hóa của hai quốc gia. - Sân chơi quy mô khu vực: Trực tiếp tham gia tổ chức và hòa mình vào các sự kiện lễ hội như Lễ hội Văn hóa và Tiếng Hàn các trường đại học khu vực miền Trung, các cuộc thi và các ngày hội trải nghiệm ẩm thực sôi động. <p>3. Cơ hội du học với mạng lưới đối tác khắp Hàn Quốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có lên đến 50 suất học bổng trao đổi sinh viên mỗi năm tại các trường đại học đối tác Hàn Quốc như: Đại học Ngoại ngữ Busan (BUFS), Đại học Quốc gia Jeonbuk (JBNU), Đại học Quốc gia Sunchon (SCNU), Đại học Quốc gia Pukyong (PKNU)... - Đa dạng học bổng: Cơ hội chinh phục các suất học bổng Chính phủ Hàn Quốc (hệ thống năm và hệ trao đổi), cùng rất nhiều học bổng từ các doanh nghiệp Hàn Quốc tài trợ cho sinh viên của Khoa. <p>4. Tương lai nghề nghiệp rộng mở và thăng tiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được trang bị nền tảng vững chắc và bồi dưỡng hồ sơ để tự tin ứng tuyển Học bổng Hàn Quốc (GKS) ở bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ. Cơ hội nhận học bổng từ các trường Đại học Hàn Quốc với mức hỗ trợ học phí lên đến 100% cho các bậc học cao hơn. - Lộ trình việc làm đa dạng: Sẵn sàng trở thành biên - phiên dịch viên, chuyên viên tư vấn nhân sự tại các tập đoàn FDI Hàn Quốc; hướng dẫn viên, điều hành du lịch; hoặc giảng dạy tiếng Hàn tại các trường phổ thông, trung tâm ngoại ngữ.
---	-------------------	--

10	Việt Nam học	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo Chương trình Cử nhân Việt Nam học là 3 năm, được giảm bớt kì tạo, phí sinh hoạt, ăn ở, đi lại, sớm tốt nghiệp ra trường và tham gia vào thị trường lao động định cuộc sống. - Được học tập cùng với các bạn học viên quốc tế học tiếng Việt và cử nhân Việt Nam học; có cơ hội thực hành giảng dạy tiếng Việt, giao lưu văn hoá, ngôn ngữ, kết nối bạn bè trong môi trường hội nhập quốc tế để hiểu biết thêm về ngôn ngữ và truyền thống văn hoá quốc gia. - Có cơ hội tham gia các chương trình tham quan, điền dã thực tế tại các tỉnh thành lịch sử, văn hóa ở Việt Nam nhằm trau dồi kiến thức và thực hành kỹ năng của chương trình thực tế được mở rộng tại các trường đại học ở Thái Lan và Lào để lựa chọn địa điểm thực tập. - Được thực tập tại các sở, ban, ngành, các công ty về du lịch, lữ hành nhằm học hỏi kiến thức và kỹ năng; chương trình thực tập còn được định hướng liên kết thực hiện tại các trường đại học ở Lào, Thái Lan, Đài Loan, Trung Quốc để sinh viên thực tập về phương pháp giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài và giao lưu văn hoá. - Có cơ hội nhận được hỗ trợ từ Quỹ học bổng Khuyến học của Hội Cựu sinh viên Việt Nam trao tại ngày hội chào tân sinh viên của khoa hàng năm; nguồn học bổng ngân sách và học bổng chính sách từ nhà trường. - Được tham gia vào câu lạc bộ mang bản sắc riêng của khoa và nhiều hoạt động ngoại khóa; tổ chức và tham gia nhiều chương trình, sân chơi giao lưu về văn hoá, ngôn ngữ và nghệ thuật với sinh viên nước ngoài để kết nối bạn bè Việt Nam và quốc tế.
11	Quốc tế học	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ hội du học trao đổi 1 học kỳ (có thể chuyển điểm) tại trường ĐH PXL (Vương quốc Anh) với học bổng Erasmus - Cơ hội theo học khóa học mùa hè tại Đại học James Madison, Hoa Kỳ (có thể du học miễn phí, tùy theo nhu cầu và tình hình thực tế) - Cơ hội tham gia các chương trình giao lưu quốc tế hoặc khóa học trao đổi tại Thái Lan - Thực tập tại các trường Đại học ở Thái Lan hoặc tại Đại học James Madison (Hoa Kỳ) - Thực tập tại sở ngoại vụ hoặc các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước - Học bổng khuyến học khoa Quốc Tế Học (Học bổng thường niên được gây quỹ từ các cựu sinh viên dành cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn) - Tham gia vào nhiều chương trình giao lưu quốc tế được tổ chức bởi khoa Quốc tế học để giao lưu với sinh viên đến từ Singapore, Thái Lan, Hoa Kỳ

12	Hoa Kỳ học	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ hội du học trao đổi 1 học kỳ (có thể chuyển điểm) tại trường ĐH PXL (Vương quốc học bổng Erasmus - Cơ hội theo học khóa học mùa hè tại Đại học James Madison, Hoa Kỳ (có thể du điểm, tùy theo nhu cầu và tình hình thực tế) - Cơ hội tham gia các chương trình giao lưu quốc tế hoặc khóa học trao đổi tại Thái Lan - Thực tập tại các trường Đại học ở Thái Lan hoặc tại Đại học James Madison (Hoa Kỳ) - Thực tập tại sở ngoại vụ hoặc các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước - Học bổng khuyến học khoa Quốc Tế Học (Học bổng thường niên được gây quỹ từ các cựu sinh viên dành cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn) - Tham gia vào nhiều chương trình giao lưu quốc tế được tổ chức bởi khoa Quốc tế giao lưu với sinh viên đến từ Singapore, Thái Lan, Hoa Kỳ
13	Truyền thông quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo hướng đến xây dựng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong lĩnh vực truyền thông trong và ngoài nước và các tổ chức quốc tế. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, linh hoạt thích nghi với môi trường truyền thông đa văn hóa. - Cơ hội nghề nghiệp rộng mở: chuyên viên truyền thông quốc tế tại doanh nghiệp, tổ chức hoặc NGO; chuyên viên PR cho các công ty có đối tác nước ngoài; chuyên viên tri marketing phụ trách chiến dịch quảng bá thương hiệu toàn cầu; cán bộ truyền thông nội bộ các công ty FDI; hay làm việc trong lĩnh vực đối ngoại và giao tiếp liên văn hóa. - Được đào tạo các kiến thức chuyên sâu về truyền thông, kỹ năng thiết yếu trong sản xuất nội dung số, viết content chuyên nghiệp, thuyết trình và giao tiếp quốc tế Anh. - Cập nhật các xu hướng mới như ứng dụng AI trong truyền thông, digital marketing và sáng tạo nội dung số. - Thực hành trong môi trường hiện đại, có cơ hội giao lưu với sinh viên quốc tế và nước ngoài; có cơ hội tham gia các dự án thực tế cùng doanh nghiệp, giúp tích lũy kinh nghiệm ngay từ khi còn trên ghế nhà trường. - Cơ hội thành thạo 1 ngoại ngữ thứ hai bên cạnh tiếng Anh khi đăng ký học song ngữ Anh và ngoại ngữ. - Sau khi tốt nghiệp, có thể tiếp tục học lên Thạc sĩ, Tiến sĩ trong các lĩnh vực như Triết học, Văn hóa học, Quan hệ công chúng, Marketing, Quan hệ quốc tế hoặc Ngôn ngữ học ứng dụng.

XI. HỌC PHÍ DỰ KIẾN VỚI SINH VIÊN CHÍNH QUY; LỘ TRÌNH TĂNG HỌC PHÍ TỐI ĐA CHO TỪNG NĂM

- Đối với khóa tuyển sinh năm 2026, Nhà trường có mức thu học phí dự kiến như sau:

+ Mức học phí của khối ngành I (Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, gồm các ngành: Sư phạm Tiếng Anh/Tiếng Pháp/Tiếng Trung Quốc): từ 17.900.000đ/1 năm học/1SV đến 23.290.000đ/1 năm học/1SV, tương đương 550.000đ/1 tín chỉ đến 685.000đ/1 tín chỉ, tùy thuộc vào năm tuyển sinh và số tín chỉ đăng ký học trong kì. Nếu người học có đăng ký thụ hưởng chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí và sinh hoạt phí theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ thì không phải nộp học phí.

+ Mức học phí của khối ngành VII (Khoa học xã hội gồm, các ngành: Ngôn ngữ Anh/Pháp/Nga/Trung Quốc/Nhật/Hàn Quốc, Việt Nam học, Quốc tế học, Hoa Kỳ học, Truyền thông quốc tế): từ 19.100.000đ/1 năm học/1SV đến 26.030.000đ/1 năm

học/1SV, tương đương 570.000đ/1 tín chỉ đến 685.000đ/1 tín chỉ, tùy thuộc vào từng ngành đào tạo, năm tuyển sinh, số tín chỉ đăng ký học trong kì và người học có thuộc đối tượng được miễn giảm học phí theo quy định tại Điều 19 của Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ.

Trong các năm học tiếp theo, mức thu học phí được điều chỉnh tăng theo lộ trình thu học phí được quy định tại khoản 2, Điều 10, Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ, Nhà trường đảm bảo tỷ lệ tăng học phí của năm học tiếp theo không vượt quá 15% so với năm học trước.

Sinh viên nộp học phí ở mỗi học kì theo đơn giá tín chỉ được công bố tại thời điểm năm học đó x số tín chỉ đăng ký học trong kì.

THÔNG TIN LIÊN HỆ TƯ VẤN:



Ghi chú: Phụ huynh và thí sinh chỉ cần tham gia 1 trong 3 nhóm zalo sau để được cập nhật thông tin kịp thời và nhận được sự tư vấn từ Tổ tư vấn.

- HUFLIS_TƯ VẤN TUYỂN SINH 2026 (Nhóm 1):



- HUFLIS_TƯ VẤN TUYỂN SINH 2026 (Nhóm 2):



- HUFLIS_TƯ VẤN TUYỂN SINH 2026 (Nhóm 3):



1. TS. Hoàng Thị Thu Hạnh - Trưởng phòng Đào tạo

- Điện thoại: 0708. 476199

2. ThS. Bùi Hữu Hùng - Chuyên viên phụ trách tư vấn tuyển sinh, Phòng Đào tạo

- Điện thoại: 0843. 647686 (zalo) - 0931. 909678



<http://tuyensinh.huflis.edu.vn>



- <https://www.facebook.com/Dai.Hoc.Ngoai.Ngu.Hue.tuvan.hotro.sinhvien>

- <https://www.facebook.com/daihochinhquy.hucfl>

Tin liên quan